THỜI KHOÁ BIỂU

BUỔI CHIỀU

Thực hiện từ ngày 10 tháng 05 năm 2021

THỨ	TIẾT	10.1	10.2	10.3	10.4	10.5	10.6	11.1	11.2	11.3	11.4	11.5	12.1	12.2	12.3	12.4	12.5	12.6	12XH5	12XH6	12XH7	12TN3	12TN4	12TN5	12TN6
2	1	Lí - Hưng	Sử - Vinh	Toán - Ánh	Sinh - B.Liên	Lí - Huyền(L)	Hóa - Ngọc	Toán - Hoàn	NNgữ - Hạ	NNgữ - Phương	Địa - Hồng(Đ)	NNgữ - Tâm	Văn - P.Loan	Toán - Tuyến	Toán - Phước	Văn - Nhung	Toán - Đại	Văn - H.Dung							
	2	Toán - Hoàn	Lí - Huyền(L)	Sinh - Hảo	Hóa - T.Thảo	Toán - Ánh	Sinh - B.Liên	Địa - Hồng(Đ)	Hóa - Tiên	Sử - Thu	Văn - Chung	Hóa - Cúc	NNgữ - Phương	Toán - Tuyến	Toán - Phước	Văn - Nhung	Văn - P.Loan	Văn - H.Dung							
	3	Hóa - Ngọc	Sinh - Hảo	Hóa - T.Thảo	Địa - Hồng(Đ)	Sinh - B.Liên	Toán - Tuyến	Hóa - Cúc	Sử - Thu	Văn - Chung	Sinh - Ri	Lí - Hưng	Văn - P.Loan	Văn - Nhung	NNgữ - Hoa	Toán - Phước	Toán - Đại	NNgữ - Phi							
	4												Toán - Tuyến	Văn - Nhung	Văn - H.Dung	NNgữ - Hoa	Văn - P.Loan	NNgữ - Phi							
	5																								
3	1																		GDCD - Anh	Địa - Hồng(Đ)	Địa - Mai	Sinh - Ri	Hóa - Tiên	Lí - Thi	Sinh - Hảo
	2																		Sử - Thuý	Địa - Hồng(Đ)	Địa - Mai	Lí - Huyền(L)	Sinh - Ri	Sinh - Ri	Hóa - T.Thảo
	3																		Địa - Mai	GDCD - Anh	Sử - Vinh	Hóa - T.Thảo	Lí - Huyền(L)	Sinh - Ri	Lí - Thi
	4																								
	5																								
4																									
	1												SHL - T.Thảo	SHL - Mai	SHL - Tiên	SHL - Ri	SHL - Phi	SHL - H.Dung							
	2	NNgữ - Hoa	Toán - Hoàn	Văn - P.Loan	Sử - Thuý	Văn - Vân	Địa - Thủy(Đ)	NNgữ - Phương	Địa - Hồng(Đ)	Toán - Phước	NNgữ - Vi	Sử - Thu							Địa - Mai	Sử - Vinh	GDCD - A.Tuấn	Sinh - Ri	Lí - Huyền(L)	Hóa - Cúc	Sinh - Hảo
	3	Văn - Chung	Địa - Mai	Sử - Thuý	NNgữ - Vi	NNgữ - Hạ	Văn - Vân	Sử - Thu	Toán - Phước	Địa - Hồng(Đ)	Hóa - Ngọc	Toán - Đại							GDCD - Anh	Sử - Vinh	GDCD - A.Tuấn	Hóa - T.Thảo	Sinh - Ri	Hóa - Cúc	Lí - Thi
	4	Địa - Mai	NNgữ - Phi	NNgữ - Vi	Văn - Quế	Địa - Thủy(Đ)	NNgữ - Hạ	Văn - Vân	Văn - H.Dung	Sinh - Ri	Lí - Hưng	Địa - Hồng(Đ)							Sử - Thuý	GDCD - Anh	Sử - Vinh	Lí - Huyền(L)	Hóa - Tiên	Lí - Thi	Hóa - T.Thảo
5	1																								
	2																								
	3																								
	4																								
	5																								
6	1												Toán - Tuyến	Văn - Nhung	Toán - Phước	NNgữ - Hoa	Văn - P.Loan	Văn - H.Dung							
	2	Sinh - Hảo	Văn - Nhung	Lí - Hưng	Toán - Ánh	Sử - Thuý	Lí - Thi	Sinh - Ri	Lí - Nhân	Hóa - Tiên	Sử - Thu	Sinh - Nam	Toán - Tuyến	NNgữ - Phương	NNgữ - Hoa	Toán - Phước	NNgữ - Phi	Toán - Đại							
	3	Sử - Thu	Hóa - Tiên	Địa - Mai	Lí - Huyền(L)	Hóa - T.Thảo	Sử - Thuý	Lí - Nhân	Sinh - Ri	Lí - Hưng	Toán - Ánh	Văn - Sương	NNgữ - Phương	Toán - Tuyến	NNgữ - Hoa	Văn - Nhung	NNgữ - Phi	Toán - Đại							
	4	SHL - Hoa	SHL - Nhung	SHL - Thuý	SHL - Huyền(L)	SHL - Anh	SHL - Tuyến	SHL - Nhân	SHL - Hạ	SHL - Chung	SHL - Lan	SHL - Cúc	Văn - P.Loan	NNgữ - Phương	Văn - H.Dung	Toán - Phước	Toán - Đại	NNgữ - Phi							
7	1																								
	2																								
	3																								
	4																								
	5																								